BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 11: Từ 01/04 Đến 07/04/2024

LỚP			10A17	10A18	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX	61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX	61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 01/04	Sáng	1		Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.101)		Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)									Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)							Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)		Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.407)			
		2		Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)											Hóa học 6 Trần Thị Hằng ()															
		3				Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.104)									Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.107)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.402)							Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)		Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.104)		Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)			
		4		Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.101)		Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.104)									Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.107)								Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)		Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.104)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)			
		5														Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.402)															
	Chiều	6	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.402)		Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.403)		Địa lý 6 Khổng Thị An Giang (H5.407)	Địa lý 6 Khổng Thị An Giang (H5.407)																Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.401)					Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.401)		
		7																												
		8	Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)				Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.407)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.407)																Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)					Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)		
		9	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hóa (H5.402)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)		Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.407)																						
		10																						Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.401)					Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.401)		
Thứ 3 02/04	Sáng	1	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.407)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)		Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)								Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)								Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)				Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)		
		2														Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)															
		3	Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.407)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)																				Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)					Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		
		4		Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)		Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)								Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.402)									Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)						
		5	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.407)																											
	Chiều	6			Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.403)										Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hóa (H5.406)								Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.407)				Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.407)			
		7																												
		8			Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)										Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)								Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)				Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)			
		9			Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.403)																		Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)				Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)			
		10																												
Thứ 4 03/04	Sáng	1	Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)											Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)								Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.407)				Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.407)			
		2																					Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)				Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.407)			
		3	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.402)												Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.107)								Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.407)				Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.407)			
		4	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.402)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.101)																										
		5	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.402)												Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.107)								Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.407)				Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.407)			
	Chiều	6			Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.403)	Địa lý 6 Khổng Thị An Giang (H5.401)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)								Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.402)								Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.406)	Địa lý 6 Khổng Thị An Giang (H5.401)			Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.406)		
		7			Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)											Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.402)															
		8				Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý ()	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý ()																Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.401)			Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)		
		9			Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.403)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng ()	Hóa học 6 Trần Thị Hằng ()								Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)									Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.401)						
		10					Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)																Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)					Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)		

LỚP			10A17	10A18	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX	61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX	61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 04/04	Sáng	1		Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.102)		Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.107)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.107)								Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.402)							Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.407)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.401)			Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.407)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.401)		
		2		Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)			Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)															Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)			Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.407)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)		
		3			Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.102)																			Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.401)				Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.401)		
		4			Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)		Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)								Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.402)							Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)			Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		
		5		Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)																										
	Chiều	6	Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.407)			Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)									Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)										Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)						
		7																												
		8				Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.401)									Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)										Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.401)						
		9	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.407)			Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.401)																			Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.401)						
		10																												
Thứ 6 05/04	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 06/04	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 11: Từ 01/04 Đến 07/04/2024

LỚP			61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 01/04	Sáng	1			Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.102)			Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.103)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.401)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.401)						Phay Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bảo)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)					Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	
		2							Hóa học 6 Trần Thị Hằng ()																					
		3			Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)			Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.107)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.402)		Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.103)			Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.401)													
		4							Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.107)		Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.106)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.103)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.103)		Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.106)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.401)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.401)													
		5								Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.402)																				
	Chiều	6												Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.403)									Phay Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bảo)								
		7																										Truyền động điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		Vi điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thủy (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)
		8																												
		9												Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)																
		10																												
Thứ 3 02/04	Sáng	1			Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.102)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.102)				Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.106)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.103)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.103)		Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.106)								Phay Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bảo)								
		2			Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hóa (H5.102)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hóa (H5.102)				Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)																			Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	
		3			Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.102)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.102)					Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.106)				Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.106)															
		4			Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)				Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.402)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.106)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.103)		Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.106)															
		5																												
	Chiều	6							Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hóa (H5.406)					Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.403)		Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)						Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Thu Hương (TT.Tiện- Phay- bảo)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)							
		7																										Truyền động điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		Vi điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thủy (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)
		8												Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)		Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.401)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.401)														
		9							Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)					Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.403)		Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.401)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.401)														
		10																												
Thứ 4 03/04	Sáng	1			Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.102)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.102)			Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hóa (H5.103)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hóa (H5.103)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)						Phay Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bảo)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)					Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	
		2																												
		3			Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hóa (H5.102)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hóa (H5.102)			Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.107)		Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)		Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.106)															
		4			Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)					Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.106)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.103)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.103)		Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.106)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.401)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.401)													
		5			Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.102)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.102)			Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.107)																						
	Chiều	6								Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.402)				Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.403)									Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Thu Hương (TT.Tiện- Phay- bảo)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)							
		7								Địa lý 6 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.402)				Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)														Truyền động điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		Vi điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thủy (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)
		8																												
		9								Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)				Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.403)																
		10																												

LỚP			61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 04/04	Sáng	1								Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.402)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.106)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.103)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.103)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.102)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.106)								Phay Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)						Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-DL)	
		2									Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.106)				Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.106)															
		3										Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.102)																
		4								Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.402)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.106)			Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.106)															
		5										Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)																	
	Chiều	6			Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.402)			Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)							Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.403)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.403)							Tiếng anh chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.205)					Truyền động điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		Vi điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thúy (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)
		7																												
		8			Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang ()	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang ()										Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.403)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.403)														
		9			Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)			Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)																					
		10			Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)	Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)										Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)														
Thứ 6 05/04	Sáng	1																					Phay Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)							
		2																											Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-DL)	Vi điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thúy (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																						Tiếng anh chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)						
		7																										Truyền động điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 06/04	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 11: Từ 01/04 Đến 07/04/2024

LỚP			62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 01/04	Sáng	1		Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)								Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)			Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	
		2																	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)						
		3						Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)								Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)			Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	
		4						Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)										Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)				Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)						
		5																	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)			Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)					Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	
	Chiều	6																												
		7	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Photoshop Lê Sơn Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)		Trang bị điện Hoàng Văn Hùng ()		Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)				Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Đoàn Mạnh Hà ()	Trang bị điện Trần Thị Thơm ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tình ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Triệu Đình Sơn (H6.202.TH. PLC)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)		Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X23.302.Phòng học Máy điện)			Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 3 02/04	Sáng	1		Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)		Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.403)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.403)								Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)		Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)			Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	
		2																	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	
		3						Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.403)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.403)								Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				
		4						Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)								Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)		Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)			Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	
		5																	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)				Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)						Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	
	Chiều	6																												
		7	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Quản trị mạng với Windows server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Trang bị điện Hoàng Văn Hùng ()		Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Đoàn Mạnh Hà ()	Trang bị điện Trần Thị Thơm ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tình ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Triệu Đình Sơn (H6.202.TH. PLC)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)		Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X23.302.Phòng học Máy điện)			Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 4 03/04	Sáng	1				Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)		Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)								Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.406)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.201)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.406)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.201)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)			Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	
		2																												
		3						Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)								Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)		Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)			Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.404)	
		4						Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)								Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)				Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)					Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	
		5																	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)				
	Chiều	6																												
		7	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Photoshop Lê Sơn Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)		Trang bị điện Hoàng Văn Hùng ()		Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)				Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Đoàn Mạnh Hà ()	Trang bị điện Trần Thị Thơm ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tình ()	Lắp đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Triệu Đình Sơn (H6.202.TH. PLC)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)		Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X23.302.Phòng học Máy điện)			Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		8																												
		9																												
		10																												

LỚP			62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 04/04	Sáng	1						Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)								Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.201)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.201)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)				Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	
		2						Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)									Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)				Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)					
		3						Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)								Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.201)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.201)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	
		4						Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.301)	Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.301)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)									Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)				Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	
		5								Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)									Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)					Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.404)	
	Chiều	6	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Quản trị mạng với Windows server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)				Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)		Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()				Lập đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tĩnh ()	Lập đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)		Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến (H6.301.TH, ĐTCB-KTS)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X23.302.Phòng học Máy điện)	Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()		Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 6 05/04	Sáng	1						HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Phạm Thanh Mai (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Thảo (H5.403)								HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	
		2																												Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Lê Văn Nam ()
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)		Quản trị mạng với Windows server Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)				Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)			Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()				Lập đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tĩnh ()	Lập đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Triệu Đình Sơn (H6.202.TH. PLC)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()		Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến (H6.301.TH, ĐTCB-KTS)		Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Kỹ thuật số nâng cao Nguyễn Văn Chiều ()	Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Lê Văn Nam ()
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 06/04	Sáng	1																				Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()				Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Kỹ thuật số nâng cao Nguyễn Văn Chiều ()		Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Lê Văn Nam ()
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6										Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()				Lập đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tĩnh ()	Lập đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()				Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()				Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Kỹ thuật số nâng cao Nguyễn Văn Chiều ()	Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Hàn hồ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 11: Từ 01/04 Đến 07/04/2024

LỚP			62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 01/04	Sáng	1		Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)			Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)				Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)
		2												Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)						Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)											
		3		Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)								
		4		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)			Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)				Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)			Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)		Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)									
		5		Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)					Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)					Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)					Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)								
	Chiều	6																												
		7			Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)	Tiếng anh chuyên ngành Trần Việt Anh (H3.205)			Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)					SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa_CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Văn bản pháp qui Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()				Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)	
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 3 02/04	Sáng	1		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)			Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)				Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()
		2														Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)					Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)									
		3		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.204)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)			Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)					Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		
		4		Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)				Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)		Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)		Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)								
		5				Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)					Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)		Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)				Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)								
	Chiều	6																												
		7			Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)	Tiếng anh chuyên ngành Trần Việt Anh (H3.208_Khoa SP-KT)			Vận hành máy xếp dỡ hàng hóa Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)	Quản lý bao bì và rác thải Quách Hữu Việt (Bãi tập TH2_Khoa Cơ giới)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học văn phòng Kim Thị Thương ()	Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình ()		SQL Server Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Công nghệ đa phương tiện Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Vũ Lệ Thu ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)			Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.103)	
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 4 03/04	Sáng	1		Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.204)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.204)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.203)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.203)			Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)				Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()
		2																												
		3		Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.203)			Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.203)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.404)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.302)								
		4		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)					Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)								
		5		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)						Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)										
	Chiều	6																												
		7			Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.208_Khoa SP-KT)	Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.205)			Vận hành máy xếp dỡ hàng hóa Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)	Quản lý bao bì và rác thải Quách Hữu Việt (Bãi tập TH2_Khoa Cơ giới)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính)			SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	SQL Server Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa_CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Văn bản pháp qui Tạ Ngọc Dũng (H3.110_TH THCB)	Văn bản pháp qui Lê Thị Châm (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)			Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)	
		8																												
		9																												
		10																												

LỚP			62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 04/04	Sáng	1		Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.204)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.203)			Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.203)			Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)				Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()			
		2				Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)					Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)				Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)		Địa lý 4 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.302)							
		3		Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)		Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.302)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)		Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.302)							Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)
		4		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.307)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.202)		Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)				Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.202)								
		5				Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)					Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.203)					Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.404)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)							
	Chiều	6				Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)			Văn hành máy xếp dỡ hàng hóa Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)	Xử lý bằng tính Trần Việt Anh ()	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Nguyễn Văn Trình ()			SQL Server Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Văn bản pháp qui Tạ Ngọc Dũng (H3.110_TH THCB)		Công nghệ đa phương tiện Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Vũ Lệ Thu ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()				Ktra: Pháp luật-1-2-2023(N06) (TV.301)	
		7																												
		8																										Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)		
		9																												
		10																												
Thứ 6 05/04	Sáng	1	Tách: Hàn hỗ quang tay-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn hỗ quang tay-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)				Ktra: Pháp luật-1-2-2023(N03) (TV.301)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()			Ktra: Pháp luật-1-2-2023(N03) (TV.301)
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Tách: Hàn hỗ quang tay-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn hỗ quang tay-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)				Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương ()	Văn hành máy xếp dỡ hàng hóa Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)	Xử lý bằng tính Trần Việt Anh ()	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H2.203_TH Tin Đại cương)	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Nguyễn Văn Trình ()		SQL Server Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)		Thiết kế mạng LAN Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)				Văn bản pháp qui Tạ Ngọc Dũng (H3.110_TH THCB)		Công nghệ đa phương tiện Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Vũ Lệ Thu ()	Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N01) (TV.301)					
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 06/04	Sáng	1	Tách: Hàn hỗ quang tay-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn hỗ quang tay-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)				Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()																						
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Tách: Hàn hỗ quang tay-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn hỗ quang tay-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)				Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()				Tin học văn phòng Kim Thị Thương ()	Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình ()					Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)											
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 11: Từ 01/04 Đến 07/04/2024

LỚP			63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 01/04	Sáng	1	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.104)					Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.105)									Tiếng anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.106)	Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.205)						Cơ kĩ thuật Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Kĩ thuật đo lường Phạm Đức Lâm (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.104)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.104)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)										Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.103)						Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)			
		7								Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)																			
		8						Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)																			Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	
		9						Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.104)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)										Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)						Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)			
		10								Cụm chuyên đề Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)																			
Thứ 3 02/04	Sáng	1	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.104)					Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.105)									Tiếng anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.103)	Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.106)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.206_Khoa SP-KT)					Cơ kĩ thuật Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Kĩ thuật đo lường Phạm Đức Lâm (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.105)		Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.104)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)										Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.103)						Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	
		7						Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)																			Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)			
		8						Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.104)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)																Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)			
		9						Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)		Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)																Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.101)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.101)	
		10																												
Thứ 4 03/04	Sáng	1	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()					Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.103)	LĐ									LĐ	Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.106)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.104)				Cơ kĩ thuật Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Kĩ thuật đo lường Phạm Đức Lâm (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6			Ktra: Giáo dục chính trị-1-2-2023(N10) (TV_301)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Ktra: Pháp luật-1-2-2023(N12) (TV_THI TN01)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.104)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)										Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.103)						Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.101)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.101)	
		7						Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)																Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)			
		8																												
		9						Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)		Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)										Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.103)						Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	
		10						Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)																			Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)			

LỚP			63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 04/04	Sáng	1	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.104)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)	Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.105)											Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)						Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.104)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.104)	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6			Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.104)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.104)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Đo lường điện Lỗ Văn Ba ()	Đo lường điện Nguyễn Anh Đức ()	Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà ()	Khí cụ điện Trần Thị Thơm ()	Khí cụ điện Phan Thị Lý ()	Đo lường điện Đỗ Tiến Phong ()				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.103)				Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N03) Phạm Đức Tùng (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N04) Lưu Quang Hưng (...)		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)			
		7																												
		8						Cụm chuyên đề Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)															Cụm chuyên đề Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)			
		9						Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)																			Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)			
		10								Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)																			
Thứ 6 05/04	Sáng	1	Ktra: Pháp luật-1-2-2023(N03) (TV_301)																		Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N02) (...)	LĐ								
		2																												
		3		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)	Đo lường điện Nguyễn Trung Tuệ (X23.105.TH Đo lường điện)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.105)																	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)		Kĩ thuật đo lường Phạm Đức Lâm (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		4																												
		5																												
	Chiều	6			Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.104)	Ktra: Giáo dục chính trị-1-2-2023(N11) (TV_THI TN01)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)	Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.104)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Đo lường điện Lỗ Văn Ba ()	Đo lường điện Nguyễn Anh Đức ()	Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà ()	Khí cụ điện Trần Thị Thơm ()	Khí cụ điện Phan Thị Lý ()	Đo lường điện Đỗ Tiến Phong ()				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.103)				Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N03) Phạm Đức Tùng (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N04) Lưu Quang Hưng (...)	Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Thị Thanh Thúy (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N06) Nguyễn Chí Thành (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.302)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	
		7																												
		8																												
		9																										Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.101)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.101)	
		10																												
Thứ 7 06/04	Sáng	1																							Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N03) Phạm Đức Tùng (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N04) Lưu Quang Hưng (...)	Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Thị Thanh Thúy (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N06) Nguyễn Chí Thành (...)				
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6										Đo lường điện Lỗ Văn Ba ()	Đo lường điện Nguyễn Anh Đức ()	Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà ()	Khí cụ điện Trần Thị Thơm ()	Khí cụ điện Phan Thị Lý ()	Đo lường điện Đỗ Tiến Phong ()								Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N03) Phạm Đức Tùng (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N04) Lưu Quang Hưng (...)	Tách: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Thị Thanh Thúy (...) Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2023(N06) Nguyễn Chí Thành (...)				
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 11: Từ 01/04 Đến 07/04/2024

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 2 01/04	Sáng	1	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)							Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)		Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)				Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.102)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)			Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)
		7		VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.202)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.202)								VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.301)		VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.301)												
		8	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)						Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)						Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)		Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)			Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		9	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)				Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)					Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)	VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.204)	VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		10																		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)						
Thứ 3 02/04	Sáng	1	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.207_Khoa SP-KT)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.205)						Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)		Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.209.TH Tin học)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)			An toàn lao động Phạm Văn Ức ()	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm ()	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Cơ sở dữ liệu Phùng Thị Minh Phương ()	Mạng máy tính Lê Hoàng ()	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.306)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		7													Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)												
		8	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.303)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)				Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)						Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)			Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.303)
		9		Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)				Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)			Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)	
		10	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)													Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)										Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
Thứ 4 03/04	Sáng	1	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.208_Khoa SP-KT)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.205)						Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)		Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.209.TH Tin học)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)				Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		7																		Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)				
		8	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)				Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)			Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)			Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)			Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		9	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)				Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.301)		Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.301)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)			Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)
		10		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)																				Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 5 04/04	Sáng	1	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.106)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.205)					Hệ quản trị CSDL Access Tạ Văn Khoa (H3.210_TH Tin Ứng dụng)					Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)					Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.209.TH Tin học)			Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)			An toàn lao động Phạm Văn Ức ()	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.102)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm ()	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.102)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Cơ sở dữ liệu Phùng Thị Minh Phương ()	Mạng máy tính Lê Hoàng ()	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.304)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.304)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)
		7																									
		8	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.201)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)
		9	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)																						Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		10		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.306)				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)			Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.306)			
Thứ 6 05/04	Sáng	1	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.106)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)		Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()	Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()		Hệ quản trị CSDL Access Tạ Văn Khoa (H3.210_TH Tin Ứng dụng)						Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)					Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)						Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.202)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.201)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		7																									
	Chiều	8				Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()	Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()	An toàn lao động Phạm Văn Ức ()		Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.102)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm ()		Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.102)				Cơ sở dữ liệu Phùng Thị Minh Phương ()	Mạng máy tính Lê Hoàng ()								
		9																									
		10																									
Thứ 7 06/04	Sáng	1				Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()	Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()																				
		2																					Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)					
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6				Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()	Nguyên lý kế toán Bùi Thu Trang ()	An toàn lao động Phạm Văn Ức ()																			
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									